

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 962./BKHDĐT-PTDN
V/v báo cáo thực hiện phân loại, sắp
xếp DNNN theo Quyết định số
14/2011/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2013

Kính gửi: - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn kinh tế nhà nước; Các Tổng công ty (danh
sách kèm theo); Thông tấn Xã Việt Nam, Đài Truyền hình
Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam.

Ngày 4/3/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 14/2011/QĐ-TTg về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt các Đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2011-2015.

Ngày 17/7/2012, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 929/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015”. Tại Quyết định này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ: nghiên cứu hoàn thiện quy định về tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước theo hướng đẩy mạnh đa dạng hóa sở hữu doanh nghiệp nhà nước và phù hợp với định hướng giải pháp của Đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt, trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý II năm 2013.

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý cơ quan chuẩn bị báo cáo theo mẫu đính kèm và gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo bằng văn bản xin gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) trước ngày 28/02/2013, đồng thời gửi bản mềm (softcopy) theo địa chỉ email: huongtran.aed@gmail.com (liên hệ: chị Trần Thanh Hương-Chuyên viên Phòng Đổi mới Doanh nghiệp nhà nước; điện thoại: 080 43507).

Xin cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP;
- Lưu: VT, Cục PTDN.

H440

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Dương Huy Đông

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH PHÂN LOẠI, THỰC HIỆN SẮP XẾP DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THEO TIÊU CHÍ, DANH MỤC PHÂN LOẠI DNNN BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2011/QĐ-TTg

I. Tình hình thực hiện Quyết định số 14/2011/QĐ-TTg

- Tình hình phân loại, thực hiện phương án sắp xếp doanh nghiệp nhà nước (là doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ) và doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc phạm vi quản lý tại thời điểm 31/12/2012 (theo Mẫu biểu số 01).

- Tình hình phân loại, thực hiện phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, thoái vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý, trong đó nêu cụ thể kế hoạch phân loại, sắp xếp năm 2013 (theo Mẫu biểu số 02).

Riêng đối với các Tập đoàn kinh tế nhà nước, đề nghị bổ sung thêm báo cáo về tình hình sắp xếp doanh nghiệp các cấp thuộc Tập đoàn, trong đó nêu cụ thể kế hoạch phân loại, sắp xếp năm 2013 (theo Mẫu biểu số 03).

- Đánh giá chung về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước sau sắp xếp.

- Cung cấp thông tin về mức độ tham gia của khu vực ngoài nhà nước vào các lĩnh vực Nhà nước nắm giữ vốn từ mức chi phối trở lên theo Quyết định số 14/2011/QĐ-TTg trong phạm vi lĩnh vực, địa phương quản lý.

II. Đề xuất, kiến nghị

- Đánh giá về kết quả phân loại, sắp xếp: những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước trên.

- Kiến nghị, đề xuất về việc sửa đổi tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước như: đề xuất về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn; đề xuất về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước giữ cổ phần chi phối khi thực hiện cổ phần hóa; cách thức tổ chức thực hiện...

Mẫu biểu số 01-Tình hình hoạt động của Doanh nghiệp nhà nước năm 2012

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Doanh thu	LN sau thuế	Nộp ngân sách	Tổng nợ phải trả	Lỗ lũy kế	Công ích (nếu có)		
									Sản phẩm	Khối lượng sản phẩm	Giá trị sản phẩm (tính bằng tiền)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Công ty 1										
	Công ty 2										
	...										

Giải thích:

Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, bao gồm: (i) doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty TNHH một thành viên; (ii) doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ là công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên)

(1) Tên Công ty: Tên gọi của doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Đối với công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ-công ty con thì các số liệu tại cột (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (10) và (11) là số liệu hợp nhất

Mẫu biểu số 02- Báo cáo tình hình thực hiện phương án sắp xếp công ty TNHH 1TV 100% vốn nhà nước, thoái vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Bộ ngành, UBND cấp tỉnh, Tập đoàn và Tổng công ty

TT	Tên Công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Trước khi sắp xếp			Hình thức sắp xếp	Sau khi sắp xếp		Thành lập mới	Kết quả/Kế hoạch thực hiện
			Loại hình doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn Nhà nước (%)		Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn Nhà nước (%)		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con									
1	Các công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ									
2	Các công ty con do Công ty mẹ giữ cổ phần chi phối									
3	Các công ty liên kết									
II	Các công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu									
III	Các công ty có vốn góp của Nhà nước									

Giải thích:

(1) Tên Công ty: Tên gọi của doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(2) Ngành nghề kinh doanh chính: Là ngành nghề kinh doanh được xác lập từ mục đích đầu tư thành lập và chiến lược phát triển doanh nghiệp, do chủ sở hữu quy định và giao cho doanh nghiệp thực hiện khi thành lập và trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp

(3) Loại hình doanh nghiệp trước khi sắp xếp: Bao gồm loại hình: công ty nhà nước (Luật doanh nghiệp nhà nước 2003); công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần (Luật Doanh nghiệp 2005)

(4) Vốn điều lệ trước khi sắp xếp: Vốn điều lệ là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty trước khi thực hiện sắp xếp

(5) Tỷ lệ vốn nhà nước trước khi sắp xếp: Là tỷ lệ vốn mà chủ sở hữu nhà nước góp vào vốn điều lệ trước khi thực hiện sắp xếp

(6) Hình thức sắp xếp: Bao gồm các hình thức sắp xếp sau: cổ phần hóa; giao; bán; thuê; khoán; sáp nhập; hợp nhất; giải thể; phá sản; chuyển đơn vị sự nghiệp có thu; chuyển cơ quan quản lý, thoái vốn...

(7) Vốn điều lệ sau khi sắp xếp: Vốn điều lệ là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty sau khi thực hiện sắp xếp

(8) Tỷ lệ vốn nhà nước sau khi sắp xếp: Là tỷ lệ vốn mà chủ sở hữu nhà nước góp vào vốn điều lệ sau khi thực hiện sắp xếp

(9) Thành lập mới: Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước được thành lập mới hoặc trên cơ sở chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp

(10) Kết quả/Kế hoạch thực hiện:

- Nếu doanh nghiệp đã hoàn thành việc sắp xếp, đề nghị nêu cụ thể năm hoàn thành

- Nếu doanh nghiệp đang thực hiện sắp xếp hoặc chưa thực hiện sắp xếp theo phương án được phê duyệt, đề nghị nêu năm dự kiến hoàn thành

(I) Công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ-công ty con: Tổng công ty, công ty TNHH MTV được chủ sở hữu nhà nước quy định là công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ-công ty con

1. Công ty con do công ty mẹ nắm 100% vốn điều lệ: Là công ty TNHH MTV, công ty ở nước ngoài do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ

2. Công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối: Là các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được tổ chức theo mô hình công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty ở nước ngoài

3. Công ty liên kết: Là các công ty có vốn góp không chi phối của công ty mẹ, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty ở nước ngoài.

(II) Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước: Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước thuộc Bộ, UBND tỉnh.

(III) Công ty có vốn góp của nhà nước: Công ty TNHH 2TV trở lên, công ty cổ phần có một phần vốn góp của Nhà nước thuộc Bộ, UBND tỉnh

Mẫu biểu số 03 – Tình hình sắp xếp doanh nghiệp các cấp thuộc tập đoàn kinh tế nhà nước (chỉ áp dụng với tập đoàn kinh tế)

STT					Tên DN	Loại hình DN	Ngành KD chính	Vốn ĐL	Cơ cấu vốn góp			Hình thức sắp xếp	Thành lập mới	Kết quả/Kế hoạch thực hiện
DN cấp I	DN cấp II	DN cấp III	DN cấp IV	Cấp tiếp theo					Tỉ lệ vốn góp của công ty mẹ	Tỉ lệ vốn góp của đơn vị trong TĐ	Tỉ lệ vốn góp của cổ đông ngoài TĐ			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
....														
....														

Giải thích

- (1) Tên doanh nghiệp: Tên gọi của doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- (2) Công ty mẹ: Là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước được hình thành theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
- (3) Công ty con do công ty mẹ nắm 100% vốn điều lệ: Là công ty TNHH MTV, công ty ở nước ngoài do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ
- (4) Công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối: Là các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ được tổ chức theo mô hình công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty ở nước ngoài
- (5) Công ty liên kết: Là các công ty có vốn góp không chi phối của công ty mẹ, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty ở nước ngoài.
- (6) Tên doanh nghiệp: Tên gọi của doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- (7) Ngành nghề kinh doanh chính: Là ngành nghề kinh doanh được xác lập từ mục đích đầu tư thành lập và chiến lược phát triển doanh nghiệp, do chủ sở hữu quy định và giao cho doanh nghiệp thực hiện khi thành lập và trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp
- (8) Loại hình doanh nghiệp trước khi sắp xếp, bao gồm loại hình: công ty nhà nước (Luật doanh nghiệp nhà nước 2003); công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần (Luật Doanh nghiệp 2005)

(9) Vốn điều lệ trước khi sắp xếp: Vốn điều lệ là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty trước khi thực hiện sắp xếp.

(10) Tỷ lệ vốn nhà nước trước khi sắp xếp: Là tỷ lệ vốn mà chủ sở hữu nhà nước góp vào vốn điều lệ trước khi thực hiện sắp xếp.

(11) Hình thức sắp xếp: Bao gồm các hình thức sắp xếp sau: cổ phần hóa; giao; bán; thuê; khoán; sáp nhập; hợp nhất; giải thể; phá sản; chuyển đơn vị sự nghiệp có thu; chuyển cơ quan quản lý...

(12) Vốn điều lệ sau khi sắp xếp: Vốn điều lệ là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty sau khi thực hiện sắp xếp.

(13) Tỷ lệ vốn nhà nước sau khi sắp xếp: Là tỷ lệ vốn mà chủ sở hữu nhà nước góp vào vốn điều lệ sau khi thực hiện sắp xếp.

(14) Thành lập mới: Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước được thành lập mới hoặc trên cơ sở chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp.

(15) Kết quả/Kế hoạch thực hiện:

- Nếu doanh nghiệp đã hoàn thành việc sắp xếp, đề nghị nêu cụ thể năm hoàn thành.

- Nếu doanh nghiệp đang thực hiện sắp xếp hoặc chưa thực hiện sắp xếp theo phương án được phê duyệt, đề nghị nêu năm dự kiến hoàn thành.